

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
T.P HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2017/HSST

Ngày: 31/10/2017

NHÂN DANH

N- ÓC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Ông Đàm Thuận Hồng.*

Các hội thẩm nhân dân: *1. Ông Đàm Hữu Long – cán bộ nghỉ hưu.*

2 Ông Đào Xuân Bốn – cán bộ nghỉ hưu.

Th- ký phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Hương – Th- ký Tòa án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:

Ông Tạ Quốc Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn A, sinh 1984; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu K, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; con ông N và bà Đ; vợ: Nguyễn Thị B; con: có 01 con sinh 2009. Tiền án, tiền sự: theo Danh chỉ bản số 000000313 lập ngày 15/6/2017 tại Công an huyện S, thành phố Hà Nội thì bị cáo không có tiền án, tiền sự; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 13 tháng 6 năm 2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn B**, sinh 1988; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; con ông N và bà Nguyễn Thị H. Tiền án, tiền sự: theo Danh chỉ bản số 000000281 lập ngày 13/4/2015 tại Công an huyện S, thành phố Hà Nội thì bị cáo không có tiền án, tiền sự; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 13 tháng 4 năm 2015 đến ngày 07 tháng 8 năm 2015. Có mặt tại phiên toà.

- **Ng- ời bị hại:** Anh Đinh Văn N, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- **Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978. Vắng mặt.

+ **Anh Nguyễn Quý B**, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Điều trú tại: Thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội

+ **Chị Nguyễn Thị B**, sinh năm 1985.

Trú tại: Khu K, huyện H, Hà Nội. Có mặt

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về hành vi phạm tội nh- sau: Ngày 09/01/2014, anh Đinh Văn N, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội tham gia đánh bạc tại thôn L, xã M thì bị Công an thành phố Hà Nội bắt quả tang nh- ng anh N bỏ chạy. Do sợ bị đ- a ra xử lý tr- ớc pháp luật nên anh N đã nhờ Nguyễn Văn B tìm ng- ời để chạy án cho anh N (tức là chạy không bị xử lý hình sự). Nguyễn Văn B nhận lời, gọi điện hỏi, đặt vấn đề với Nguyễn Văn A chạy án cho anh N. Mặc dù không có khả năng chạy án nh- ng do đang thiếu tiền tiêu nên Nguyễn Văn A đã đồng ý với mục đích nhằm chiếm đoạt tiền của anh N.

Khoảng 07 giờ ngày 11/01/2014, B điện thoại cho anh N nói Nguyễn Văn A có khả năng chạy án, đồng thời bảo anh N chuẩn bị 30.000.000 đồng, anh N đồng ý. Cùng ngày 11/01/2014, anh N, Nguyễn Quý B và Nguyễn Văn K là ng- ời cùng thôn đi cùng Nguyễn Văn B đi xuống gặp Nguyễn Văn A tại Cụm 00, ph- ờng P, quận T, Hà Nội. Tại đây anh N đã đ- a cho A số tiền 30.000.000 đồng để chạy án. Đến tối

cùng ngày, A thông báo cho Nguyễn Văn B về việc A chuẩn bị đi hát với lãnh đạo Công an huyện S để chạy án cho anh N. B điện thoại cho anh N mục đích là để anh N chuẩn bị tiền cho A đi hát. Anh N nhờ anh Nguyễn Quý B về gặp chị H là vợ anh N lấy 5.000.000 đồng đ- a cho B để B đ- a cho A chi phí việc đi hát. Do không gặp đ- ợc A nên B giữ lại 5.000.000 đồng này và chi tiêu cá nhân.

Tiếp đến vào chiều ngày 12/01/2014, B điện thoại cho anh N báo A đã lo xong việc chạy án và bảo anh N chuẩn bị 9.000.000 đồng để cảm ơn 03 đồng chí thụ lý vụ án. Anh N điện thoại cho chị Nguyễn Thị H là vợ anh N bảo chị H đ- a cho anh Nguyễn Quý B 10.000.000 đồng để Nguyễn Quý B đ- a cho B. Anh Nguyễn Quý B cầm 10.000.000 đồng cùng B đến gặp A tại quán cà phê Phố, ở tổ 6, thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội. Tại đây B đ- a cho A 9.000.000 đồng còn thừa 1.000.000 đồng anh Nguyễn Quý B mang về trả chị H.

Đến tối ngày 13/01/2014, anh N nhận đ- ợc điện thoại của A và hẹn gặp ở khu 3, xã P, huyện S, Hà Nội. Tại đây anh N đ- a cho A số tiền 10.000.000 đồng để cảm ơn A về việc chạy án cho anh N.

Ngày 13/3/2014, anh N bị công an huyện S khởi tố về tội đánh bạc, biết A và B lừa nên ngày 08/4/2014, anh N đã có đơn trình báo sự việc trên.

Về dân sự: Sau khi có đơn tố cáo của anh N, B đã trả lại anh N số tiền 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra gia đình A đã trả lại toàn bộ số tiền 49.000.000 đồng cho anh N. Anh N không có yêu cầu gì về phần dân sự và có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo khai và nhận hành vi của mình nh- nội dung của bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo đ- ợc h- ởng mức án nhẹ nhất

Ng- ời bị hại anh Đinh Văn N vắng mặt tại phiên tòa có lời khai: Tối ngày 09/01/2014, anh tham gia đánh bạc và bị Công an bắt quả tang nh- ng anh chạy thoát. Do sợ bị xử lý tr- ớc pháp luật nên anh có tìm ng- ời để chạy không bị xử lý. Đến tối ngày 10/01/2014, anh có nói chuyện cho B và Nguyễn Quý B biết việc mình tham gia đánh bạc. B bảo với anh là sẽ hỏi ông anh của B để lo chạy án. Đến sáng ngày

11/01/2014, B điện thoại cho anh nói là có ông anh A có thể lo đi-ợc cho anh không bị xử lý hình sự và bảo anh phải chuẩn bị 30.000.000 đồng. Anh tin t-ởng B nên đã đi cũng B xuống khu chung c- ở ph-òng X, gặp A. Tại đây, anh đ-a cho A số tiền 30.000.000 đồng để A chạy án cho anh nh-ng không viết giấy tờ. Đến tối ngày 11/01/2014, B điện thoại cho anh nói là A chuẩn bị đi hát với lãnh đạo Công an huyện S, mục đích để lo chạy án cho anh và để anh chuẩn bị tiền cho Tuấn đi hát. Anh đ-a cho Nguyễn Quý B 5.000.000 đồng và nhờ đ-a cho B để B đ-a cho A chi phí việc A đi hát. Đến ngày 12/01/2014, B điện thoại cho anh nói là đ-a thêm cho A 9.000.000 đồng để cảm ơn 03 đồng chí thụ lý vụ án, anh yên tâm nên bảo Nguyễn Quý B về gặp vợ anh lấy 9.000.000 đồng đ-a cho B. Sau đó anh điện thoại cho B thì B nói đã đ-a cho A 9.000.000 đồng. Đến tr-a ngày 13/01/2014, B bảo anh điện thoại cho A. Anh điện thoại cho A, A nói là đã lo xong việc chạy án cho anh và yêu cầu anh đ-a thêm 10.000.000 đồng để cảm ơn, anh đồng ý. Anh hẹn gặp A tại ngã ba X thuộc địa phận xã P, tại đây anh đ-a cho A 10.000.000 đồng. Tổng số tiền mà anh đã đ-a cho A và B để chạy án cho anh là 54.000.000 đồng. Sau khi anh có đơn tố cáo hành vi lừa đảo của B và A thì B đã trả anh số tiền 5.000.000 đồng và gia đình A đã trả lại anh số tiền 49.000.000 đồng. Anh đã nhận đủ tiền về phần dân sự anh không có yêu cầu gì thêm và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo.

Ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Anh Nguyễn Quý B, vắng mặt tại phiên tòa có lời khai:

Anh và anh N có họ hàng với nhau và ở cùng thôn. Do đi-ợc anh N nhờ nên trong tháng 01/2014, anh đã hai lần vào nhà anh N gặp chị H là vợ anh N để lấy tiền đ-a cho B. Lần đầu là vào tối ngày 11/01/2014, khi anh đang ở nhà thì anh N gọi điện cho anh bảo anh vào nhà gặp chị H lấy 5.000.000 đồng để đ-a cho B. Anh đi xe máy một mình đến nhà anh N gặp chị H, chị H đ-a cho anh 5.000.000 đồng. Anh đ-a số tiền này cho B tại quán điện tử của nhà ông T ở cùng thôn. Lần thứ hai là vào khoảng 19 giờ 30 ngày 12/01/2014, anh N gọi điện cho anh nói là đến nhà anh N gặp chị H lấy tiền đ-a cho B. Anh đến nhà anh N, chị H đ-a cho anh 10.000.000 đồng. Anh cầm tiền đến gặp B thì B bảo anh đi cùng B lên cổng công an huyện S đ-a tiền cho A. Trên đ-òng đi, B bảo anh đ-a cho B 9.000.000 đồng và để vào 03 phong bì mà B đã chuẩn bị sẵn. Anh và B đến quán cà phê Phố tr-ớc cổng công an huyện S và gặp A ở đó. B đ-a cho A 03 phong bì trên. A nói: “thôi cứ về đi” và A đi vào trong cơ quan công an huyện S. Sau đó anh mang về trả lại chị H số tiền thừa 1.000.000 đồng và thông báo lại sự việc cho anh N. Cả hai lần anh đ-a tiền cho B đều đi-ợc anh N nhờ và anh biết đây là một phần trong tổng số tiền mà anh Nam nhờ B và A để chạy án.

Ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có lời khai:

Chị là vợ của anh Đinh Văn N (ng-ời bị hại trong vụ án). Khoảng tháng 01 năm 2004, chồng chị có tham gia đánh bạc do sợ bị xử lý hình sự nên bỏ trốn không dám về nhà. Tối ngày 11/01/2014, anh Nam có gọi điện cho chị bảo chị đ- a cho Nguyễn Quý B là cháu của anh Nam 5.000.000 đồng để Nguyễn Quý B đ- a cho ai đó nhằm mục đích chạy án cho anh N. Tiếp đến vào chiều tối ngày 12/01/2014, anh N gọi điện bảo chị đ- a cho Nguyễn Quý B 10.000.000 đồng. Nguyễn Quý B đến nhà cầm 10.000.000 đồng đi đâu đó khoảng 2 tiếng sau quay lại đ- a cho chị 1.000.000 đồng và nói là tiền thừa. Cả hai lần chị đều đ- a tiền cho Nguyễn Quý B và không đ- a cho ai khác. Về nguồn gốc số tiền là tiền của anh N cất ở trong tủ của gia đình để chị chi tiêu khi có việc cần. Về việc anh N chạy án cụ thể nh- thế nào chị không biết rõ. Nay chị không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B có mặt tại phiên tòa trình bày: Chị là vợ của bị cáo A. Sự việc A lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh N nh- thế nào chị không biết rõ. Sau khi sự việc xảy A có nói lại với chị và bảo chị đem tiền trả lại cho ng-ời bị hại. Ngày 25/9/2017, chị đã trả lại cho anh Đinh Văn N số tiền 49.000.000 đồng mà A chiếm đoạt. Về nguồn gốc số tiền là tiền của A đ- a cho chị cất giữ để hai vợ chồng chi tiêu gia đình. Nay chị không có yêu cầu gì về phần dân sự, đồng ý trả lại toàn bộ số tiền 49.000.000 đồng cho anh N và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nh- cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm c khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn B: Từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo đ- ọc trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt: Nguyễn Văn A: Từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 13/6/2017.

- Về dân sự: Không phải giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về vật chứng: Không có.
- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của ng- ời bị hại.

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của ng- ời bị hại, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù biết mình không thể chạy đ- ọc án và biết là hành vi vi phạm pháp luật nh- ng Nguyễn Văn A đã nhận lời chạy án cho anh Đinh Văn N nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh N. Thông qua Nguyễn Văn B vào các ngày: 11, 12, 13 tháng 01 năm 2014, Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B đã cùng nhau chiếm đoạt tổng số là 54.000.000 đồng. Hành vi ấy của các bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ phù hợp pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ng- ời khác đ- ọc pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó việc đ- a các bị cáo ra truy tố, xét xử tr- ớc pháp luật là cần thiết. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Bộ luật quy định để có một mức hình phạt cho t- ơng xứng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho ng- ời bị hại. Ng- ời bị hại không có yêu cầu gì về dân sự và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đ- ọc quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo thực hiện hành vi không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Thông qua

vai trò môi giới, giúp sức của bị cáo B, bị cáo A đã trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ng-ời bị hại. Do đó bị cáo A cần phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo B.

Đối với bị cáo A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên với tính chất hành vi phạm tội, hơn nữa sau khi phạm tội, bị cáo A đã bỏ trốn khỏi địa ph-ơng gây cản trở cho việc điều tra vụ án do đó cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời hạn nhất định có nh- vậy mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành ng-ời công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo B, bị cáo phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi c- trú ổn định rõ ràng xét thấy có thể cho bị cáo cải tạo tại địa ph-ơng cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành ng-ời công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên qua xác minh hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo cho thấy nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng, có mức thu nhập trung bình nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về dân sự: Ng-ời bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng: Không có.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn A** phạm tội: “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, (thêm Điều 60 đối với bị cáo Xâm) Bộ luật hình sự. Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Nguyễn Văn A**: 27 (hai bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 13/6/2017.

Xử phạt: **Nguyễn Văn B**: 24 (hai bốn) tháng tù cho h-ởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo B cho UBND xã M, S, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo lên Tòa án Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ng-ời bị hại – anh Đinh Văn N; ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quý B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản sao bản án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Bị cáo*

THẨM PHÁN

- *VKSND H.S;*

- *Công an H. S;*

- *THADS H.S;*

ĐÀM THUẬN HỒNG

- *Các đ-ơng sự;*

- *L- u HS, VP*